

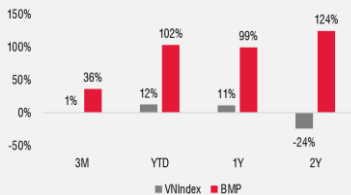
## Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP: HOSE)

Ngày báo cáo: 29/12/2023  
 NGÀNH: NHỰA  
 CVPT: Hoàng Anh Tuấn  
 Email: [tuanha2@ssi.com.vn](mailto:tuanha2@ssi.com.vn)  
 SĐT: +84-28 3636 3688 ext. 3089

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**  
 Giá mục tiêu 1Y: **103.400 Đồng**  
 Giá CP ngày 29/12/2023: 104.300 Đồng  
 % Giảm giá: **-0,9%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 358  
 Giá trị vốn hoá (tỷ VND): 8,694  
 Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 81.9  
 KLGD trung bình 3 tháng (cp): 248,782  
 Giá cao/thấp nhất 52T (1000 Đ): 106.2/49.9  
 GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 22.72  
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 85.68  
 Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

### Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

### Thông tin cơ bản về công ty

Thành lập vào năm 1977, BMP là nhà sản xuất ống nhựa dẫn đầu ở miền Nam Việt Nam với 50% thị phần trong khu vực và 28% trên cả nước. Công ty niêm yết tại HOSE kể từ năm 2006 với vốn điều lệ là 107 tỷ đồng, tăng lên 455 tỷ đồng vào năm 2013 và 819 tỷ đồng vào năm 2017. Công ty chủ yếu hoạt động tại thị trường miền Nam và có chi nhánh tại miền Bắc.

## Lợi nhuận có thể đã đạt đỉnh trong năm 2023

**Luận điểm đầu tư:** Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu BMP, với giá mục tiêu lên **103.400 đồng/cổ phiếu** (từ 99.200 đồng/cổ phiếu), với P/E mục tiêu 2024F là 10x (không đổi) - tương ứng mức giảm 0,9% so với giá hiện tại.

- KQKD Q3/2023:** BMP đạt doanh thu thuần và LNST lần lượt là **926 tỷ đồng (giảm 38% svck, giảm 31% so với quý trước) và 209 tỷ đồng (tăng 19% svck, giảm 29% so với quý trước)**, giảm từ mức cao kỷ lục trong Q2/2023 do sản lượng tiêu thụ giảm đáng kể. Chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ trong Q3/2023 giảm 38% svck trong khi giá bán bình quân đi ngang svck do hoạt động xây dựng chậm lại và cạnh tranh gia tăng. Biên lợi nhuận gộp tăng lên 43% trong Q3/2023, so với 42,8% trong Q2/2023 và 28,3% trong Q3/2022, do giá đầu vào PVC giảm. Trong Q3/2023, tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu vẫn ổn định ở mức 12,8% so với 13% trong Q2/2023, nhưng đã tăng từ mức 8,8% trong Q3/2022.
- Ước tính lợi nhuận:** Cho năm 2023, chúng tôi dự báo doanh thu đạt 4,7 nghìn tỷ đồng (giảm 19% svck) và LNST đạt 1 nghìn tỷ đồng (tăng 48% svck), chúng tôi điều chỉnh tăng 2% ước tính LNST so với báo cáo trước đây. Chúng tôi nhận thấy sản lượng tiêu thụ yếu hơn dự kiến trong nửa cuối năm 2023, nhưng biên LN gộp được hỗ trợ nhờ giá PVC đầu vào giảm. BMP thực hiện chương trình khuyến mại vào nửa cuối Q4/2023 giảm giá bán 8% svck, khuyến khích các đại lý phân phối tích lũy thêm sản phẩm. Chúng tôi điều chỉnh ước tính sản lượng tiêu thụ giảm 17% svck (từ ước tính giảm 6% svck như báo cáo trước đó) và duy trì dự báo giá bán bình quân không đổi svck. Cho năm 2024, chúng tôi ước tính doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (giảm 4% svck) và 847 tỷ đồng (giảm 18% svck), với lợi nhuận ròng/tấn ở mức 10 triệu đồng (giảm 21% svck), ước tính LNST tăng 4% so với dự báo trước đây. Chúng tôi kỳ vọng giá PVC trong năm 2024 sẽ duy trì quanh mức 800 USD/tấn (giảm 4% svck).
- Quan điểm ngắn hạn:** Giá cổ phiếu đã tăng gấp đôi so với đầu năm (so với mức tăng 11% YTD của chỉ số VNINDEX), phù hợp với mức tăng trưởng lợi nhuận của BMP. Chúng tôi kỳ vọng rằng tỷ suất cổ tức bằng tiền mặt cao (9%) sẽ hỗ trợ giá cổ phiếu trong ngắn hạn. BMP đã trả cổ tức bằng tiền mặt vào tháng 5 và tháng 10. Trong Q4/2023, chúng tôi kỳ vọng LNST của BMP sẽ tăng 19% so với quý trước (đi ngang svck) nhờ sản lượng tiêu thụ cao hơn từ chương trình khuyến mại. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ dự kiến sẽ yếu hơn từ Q1/2024, do đó LNST so với quý trước và so với cùng kỳ đều giảm.
- Rủi ro giảm giá:** Giá bán trung bình thấp hơn dự kiến và chi phí đầu vào PVC cao hơn dự kiến.

	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	4.686	4.553	5.808	4.725	4.520
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	523	214	696	1.031	847
Tăng trưởng LNR (% YoY)	23,6%	-59,0%	225,3%	48,1%	-17,9%
EPS (VND)	6.384	2.618	8.505	12,600	10,342
ROE (%)	21,2%	9,0%	28,3%	38,8%	31,3%
Tỷ suất cổ tức (%)	9,3%	5,8%	9,5%	11,3%	9,6%
Nợ/VCSH (%)	0,02	0,02	0,02	0,01	0,01
P/E (x)	9,81	22,88	7,05	8,28	10,09
P/B (x)	2,07	2,14	1,87	3,18	3,14
EV/EBITDA (x)	4,36	8,57	3,49	4,86	5,89

Nguồn: BMP, SSI Research

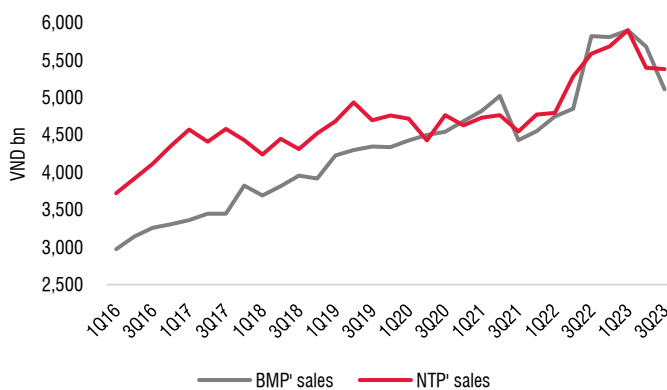
## KQKD Q3/2023

Tỷ đồng	3Q23	3Q22	YoY	2Q23	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q23	3Q22	2Q23	2022
Doanh thu thuần	926	1.496	-38,1%	1.336	-30,7%	58%				
Lợi nhuận gộp	398	423	-5,8%	573	-30,4%		43,0%	28,3%	42,8%	27,7%
Lợi nhuận hoạt động	271	219	23,6%	367	-26,4%		29,2%	14,6%	27,5%	14,0%
EBIT	269	221	21,7%	368	-27,1%		29,0%	14,8%	27,6%	15,0%
EBITDA	310	264	17,3%	410	-24,5%		33,4%	17,7%	30,7%	18,0%
Lợi nhuận trước thuế	269	221	21,7%	368	-27,1%	121%	29,0%	14,8%	27,6%	15,0%
Lợi nhuận ròng	209	176	18,5%	295	-29,1%	120%	22,5%	11,8%	22,0%	12,0%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	209	176	18,5%	295	-29,1%		22,5%	11,8%	22,0%	12,0%

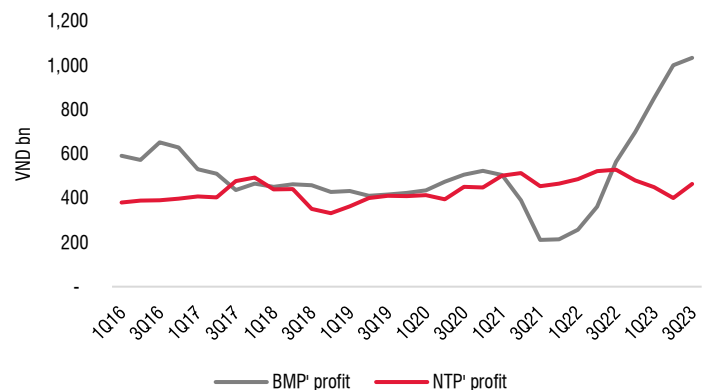
Nguồn: BMP, SSI Research

Trong Q3/2023, BMP đạt doanh thu thuần và LNST lần lượt là 926 tỷ đồng (giảm 38% svck, giảm 31% so với quý trước) và 209 tỷ đồng (tăng 19% svck, giảm 29% so với quý trước), giảm từ mức cao kỷ lục tại Q2/2023 do sản lượng tiêu thụ giảm đáng kể. Cả doanh thu và tăng trưởng doanh thu đều yếu hơn đối thủ cạnh tranh NTP (giảm 2% svck, tăng 7% so với quý trước), với việc NTP đang chiếm thị phần cao hơn về mặt sản lượng. Lũy kế 9T2023, doanh thu của BMP đạt 3,7 nghìn tỷ đồng (giảm 16% svck), trong khi doanh thu của NTP đạt 3,8 nghìn tỷ đồng (giảm 7% svck). Theo báo cáo thường niên giai đoạn 2020-2022, thị phần của NTP tăng từ 30% lên 37%, trong khi BMP duy trì quanh mức 28%. BMP có giá bán sản phẩm bình quân cũng cao hơn NTP. Chúng tôi cho rằng BMP ưu tiên lợi nhuận hơn thị phần trong hiện tại và dành nguồn lực khi thị trường phục hồi trong tương lai. Chúng tôi ước tính sản lượng tiêu thụ trong Q3/2023 giảm 38% svck (giảm 31% so với quý trước) và giá bán bình quân đi ngang so với quý trước và svck do hoạt động xây dựng chậm lại và cạnh tranh giá tăng.

## So sánh doanh thu (lũy kế 12 tháng)



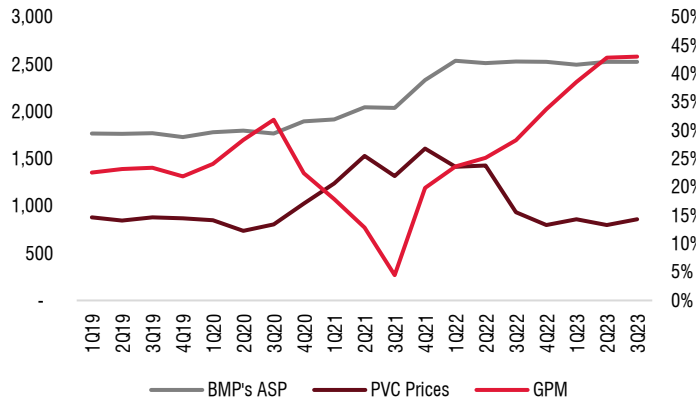
## So sánh lợi nhuận ròng (lũy kế 12 tháng)



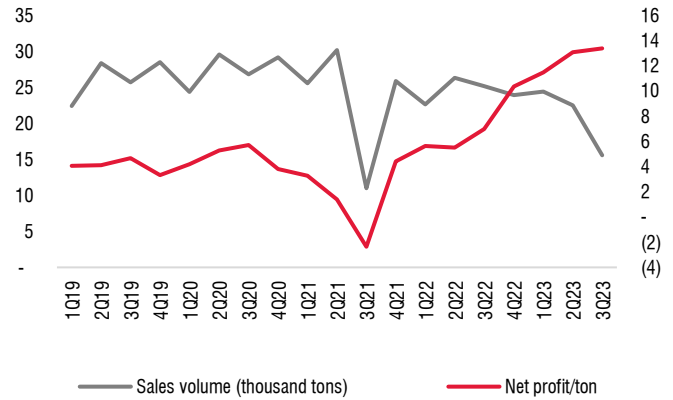
Nguồn: Dữ liệu công ty, SSI Research

Biên lợi nhuận gộp tăng lên 43% trong Q3/2023, so với 42,8% trong Q2/2023 và 28,3% trong Q3/2022, do giá đầu vào PVC giảm. Giá PVC giảm mạnh và tiếp tục đi ngang tại đáy do nhu cầu PVC trên toàn thế giới giảm. Trong Q3/2023, tỷ lệ chi phí bán hàng trên doanh thu vẫn ổn định ở mức 12,8% so với 13% trong Q2/2023, nhưng tăng từ 8,8% trong Q3/2022. Khi giá đầu vào giảm, các công ty sản xuất ống nhựa có xu hướng giảm giá cho đại lý phân phối.

BMP: Giá PVC đầu vào so với giá bán bình quân &amp; Biên LN gộp



BMP: Sản lượng tiêu thụ &amp; lợi nhuận/tấn

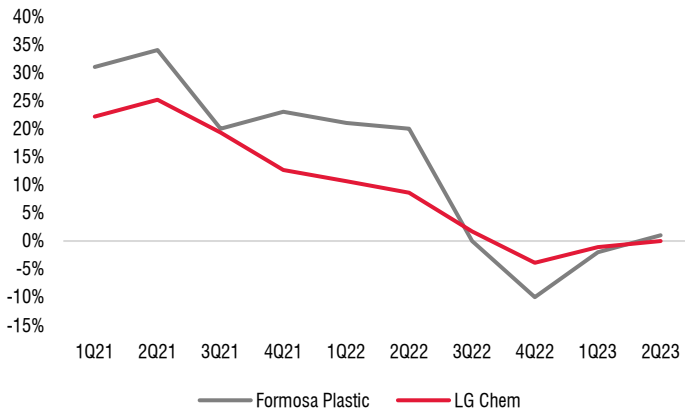


Nguồn: Dữ liệu công ty, SSI Research

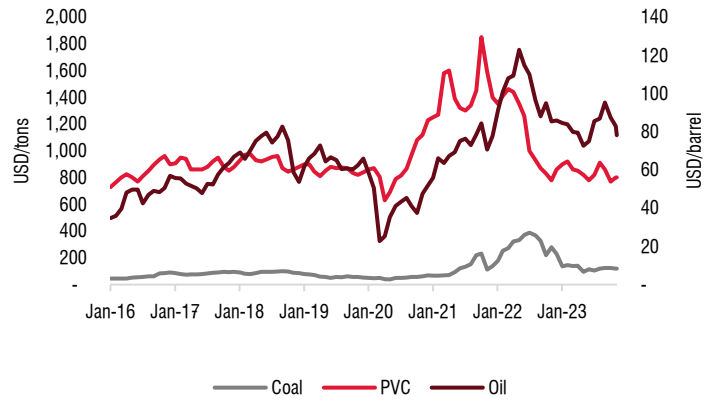
## Ước tính lợi nhuận

**Trong Q3/2023, giá PVC dao động ở mức đáy.** Trong Q3/2023, giá PVC bình quân ở châu Á đạt khoảng 860 USD/tấn (giảm 17% svck, tăng 8% so với quý trước). Trong tháng 12, giá PVC giảm xuống còn 800 USD/tấn (giảm 5% svck, đi ngang so với tháng trước). Từ Q4/2022 đến Q2/2023, các doanh nghiệp sản xuất PVC ở Châu Á tiếp tục ghi nhận biên EBIT giảm; tuy nhiên, có vẻ như xu hướng này đã chạm đáy trong Q3/2023. Điều này do nhu cầu yếu của thị trường người tiêu dùng cuối cùng trong chuỗi giá trị PVC, đặc biệt là đối với ống nhựa xây dựng. Chúng tôi nhận thấy giá than và dầu có xu hướng giảm, điều này phần nào bù đắp cho sự sụt giảm biên lợi nhuận của doanh nghiệp sản xuất PVC. Do đó, chúng tôi dự báo giá PVC trong năm 2024 có thể được duy trì ở mức khoảng 800 USD/tấn (giảm 4% svck).

## Biên EBIT của doanh nghiệp sản xuất PVC



## Giá PVC so với giá nguyên liệu đầu vào



Source: Bloomberg, SSI Research

**Cho năm 2023, chúng tôi dự báo doanh thu đạt 4,7 nghìn tỷ đồng (giảm 19% svck) và LNST đạt 1 nghìn tỷ đồng (tăng 48% svck), chúng tôi điều chỉnh tăng 2% ước tính LNST so với báo cáo trước đây.** Chúng tôi nhận thấy sản lượng tiêu thụ trong nửa cuối năm 2023 yếu hơn dự kiến nhưng biên LN gộp được hỗ trợ nhờ giá PVC đầu vào giảm. Chúng tôi hạ dự báo sản lượng tiêu thụ giảm 17% svck (từ ước tính giảm 6% svck như trong báo cáo trước đây) và duy trì dự báo giá bán bình quân đi ngang svck. Theo đó, lợi nhuận ròng/tấn đạt 12,7 triệu đồng/tấn, đây là mức đỉnh mà công ty ghi nhận. Công ty đã thực hiện chương trình khuyến mại vào nửa cuối Q4/2023 nhằm giảm giá bán 8% svck, khuyến khích các đại lý phân phối tích lũy thêm sản phẩm. Chúng tôi kỳ vọng biên LN gộp của BMP sẽ tăng lên 41,7% trong năm 2023 (so với 27,7% của năm 2022), do chi phí nguyên liệu đầu vào giảm và duy trì giá bán bình quân ở mức cao.

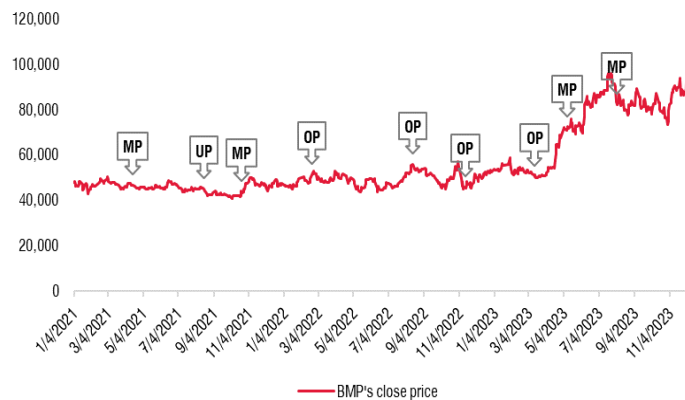
**Cho năm 2024, chúng tôi ước tính doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (giảm 4% svck) và 847 tỷ đồng (giảm 18% svck), với lợi nhuận ròng/tấn ở mức 10 triệu đồng (giảm 21% svck).** Chúng tôi giả định rằng sản lượng tiêu thụ sẽ chỉ hồi phục 4% svck do mức nền cao trong nửa đầu năm 2023 và nhu cầu yếu dự kiến tiếp tục trong nửa đầu năm 2024. Chúng tôi ước tính giá bán bình quân sẽ giảm 8% svck do cạnh tranh và tăng chiết khấu cho đại lý phân phối. Do đó, chúng tôi giả định biên lợi nhuận gộp sẽ đạt 39,4%.

## Định giá và luận điểm đầu tư

BMP đang giao dịch ở mức P/E 2023F và 2024F lần lượt là 8x và 10x, nằm trong biên độ trung bình 5 năm là từ 7x-10x. Chúng tôi áp dụng P/E mục tiêu 2024F là 10x (không đổi), chúng tôi duy trì kỳ vọng về môi trường lãi suất thấp hơn và tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cao (tỷ suất cổ tức 9%). Chúng tôi nâng giá mục tiêu đối với cổ phiếu BMP lên **103.400 đồng/cp** (từ 99.200 đồng/cp), tương đương mức giảm 0,9% so với giá hiện tại. Theo đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu BMP.

**Quan điểm ngắn hạn:** Giá cổ phiếu đã tăng gấp đôi so với đầu năm (so với mức tăng 11% YTD của chỉ số VNINDEX), phù hợp với mức tăng trưởng lợi nhuận của BMP. Chúng tôi kỳ vọng rằng tỷ suất cổ tức bằng tiền mặt cao (9%) sẽ hỗ trợ giá cổ phiếu trong ngắn hạn. BMP đã trả cổ tức bằng tiền mặt vào tháng 5 và tháng 10. Trong Q4/2023, chúng tôi kỳ vọng LNST của BMP sẽ tăng 19% so với quý trước (đi ngang svck) nhờ sản lượng tiêu thụ cao hơn từ chương trình khuyến mại. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ dự kiến sẽ yếu hơn từ Q1/2024, do đó LNST so với quý trước và so với cùng kỳ đều giảm.

### Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	173	327	562	532
+ Đầu tư ngắn hạn	815	997	1.197	1.397
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	370	279	227	217
+ Hàng tồn kho	619	571	374	372
+ Tài sản ngắn hạn khác	32	36	29	28
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>2.008</b>	<b>2.209</b>	<b>2.389</b>	<b>2.545</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	20	16	16
+ GTCL Tài sản cố định	382	368	216	90
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	20	25	25	25
+ Đầu tư dài hạn	112	68	66	66
+ Tài sản dài hạn khác	316	350	237	234
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>830</b>	<b>831</b>	<b>560</b>	<b>430</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.838</b>	<b>3.040</b>	<b>2.949</b>	<b>2.975</b>
+ Nợ ngắn hạn	523	396	260	259
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>57</i>	<i>55</i>	<i>36</i>	<i>36</i>
+ Nợ dài hạn	22	20	0	0
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>545</b>	<b>416</b>	<b>260</b>	<b>259</b>
+ Vốn góp	819	819	819	819
+ Thặng dư vốn cổ phần	2	2	2	2
+ Lợi nhuận chưa phân phối	271	601	666	694
+ Quỹ khác	1.202	1.202	1.202	1.202
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.293</b>	<b>2.623</b>	<b>2.689</b>	<b>2.717</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.838</b>	<b>3.040</b>	<b>2.949</b>	<b>2.975</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-31	889	1.273	838
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	291	-266	-53	-50
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-283	-469	-985	-819
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>-23</b>	<b>154</b>	<b>235</b>	<b>-31</b>
Tiền đầu kỳ	196	173	327	562
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>173</b>	<b>327</b>	<b>562</b>	<b>532</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	3,84	5,57	9,19	9,84
Hệ số thanh toán nhanh	2,6	4,04	7,64	8,3
Hệ số thanh toán tiền mặt	1,89	3,34	6,77	7,46
Nợ ròng / EBITDA	-0,28	-0,19	-0,27	-0,41
Khả năng thanh toán lãi vay	6.777,89	31.639,01	50.960,55	42.021,41
Ngày phải thu	19,8	16,1	19,2	17,7
Ngày phải trả	16,6	12,4	9,4	7,4
Ngày tồn kho	48,1	51,7	62,6	49,7
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,81	0,86	0,91	0,91
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,19	0,14	0,09	0,09
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,16	0,1	0,1
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0,01	0,01
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0,01	0,01

Nguồn: BMP, SSI ước tính

Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>4.553</b>	<b>5.808</b>	<b>4.725</b>	<b>4.520</b>
Giá vốn hàng bán	-3.849	-4.201	-2.753	-2.740
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>704</b>	<b>1.608</b>	<b>1.972</b>	<b>1.781</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	60	55	115	85
Chi phí tài chính	-125	-158	-130	-124
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-281	-503	-567	-588
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-88	-129	-104	-99
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>272</b>	<b>869</b>	<b>1.287</b>	<b>1.056</b>
Thu nhập khác	-4	3	2	3
Lợi nhuận trước thuế	268	873	1.289	1.058
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>214</b>	<b>696</b>	<b>1.031</b>	<b>847</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>214</b>	<b>696</b>	<b>1.031</b>	<b>847</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	2.619	8.505	12.600	10.342
Giá trị sổ sách (VND)	28.017	32.046	32.846	33.188
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	3.480	5.700	11.800	10.000
EBIT	268	873	1.289	1.058
EBITDA	459	1.043	1.496	1.235
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	-2,8%	27,6%	-18,7%	-4,3%
EBITDA	-46,9%	127,1%	43,4%	-17,4%
EBIT	-59,1%	225,3%	47,8%	-17,9%
Lợi nhuận ròng	-59,0%	224,8%	48,1%	-17,9%
Vốn chủ sở hữu	-7,2%	14,4%	2,5%	1,0%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	-6,1%	7,1%	-3,0%	0,9%
<b>Định giá</b>				
PE	22,9	7,1	8,4	10,3
PB	2,1	1,9	3,2	3,2
Giá/Doanh thu	1,1	0,8	1,8	1,9
Tỷ suất cổ tức	5,8%	9,5%	11,1%	9,4%
EV/EBITDA	8,7	3,5	5	6
EV/Doanh thu	0,9	0,6	1,6	1,6
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15,5%	27,7%	41,7%	39,4%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	4,7%	14,0%	24,8%	21,5%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	4,7%	12,0%	21,8%	18,7%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	6,2%	8,7%	12,0%	13,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,9%	2,2%	2,2%	2,2%
ROE	9,0%	28,3%	38,8%	31,3%
ROA	7,3%	23,7%	34,4%	28,6%
ROIC	8,8%	27,7%	38,2%	30,9%

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

#### Ví mô

##### Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

##### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Định lượng

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu

tranglh1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

#### Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

### Phân tích Ngành Nhựa

#### Hoàng Anh Tuấn

Chuyên viên Phân tích Cổ phiếu

tuanha2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3089

#### Dữ liệu

##### Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ

vietlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

#### Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

#### Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

#### Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

#### Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043